TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 124/2020/QĐST-HNGĐ	*Đông Hòa, ngày 12 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2019/TLST- HNGĐ ngày 27/8/2019, giữa:

Nguyên đơn*:* chị Nguyễn Thị N– sinh năm: 1986;
Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn*:* anh Lê Văn T – sinh năm: 1983;
Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:*
+ Ông Lê Th – sinh năm: 1937; bà Võ Thị A – sinh năm: 1941;
Cùng cư trú: khu phố P, phường Hòa H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên*;*

+ Chị Nguyễn Thị Trưng V – sinh năm: 1982;
Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 115, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn T được UBND xã H, huyện Đ (nay là UBND phường H, thị xã Đ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 153, quyển số 01/2011, ngày 11/10/2011.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: giao 02 con chung Lê Nguyễn Phương Tr - sinh ngày 06/9/2012 và Lê Nguyễn Quốc L – sinh ngày 24/7/2015 cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 1.400.000đ/tháng *(một triệu bốn trăm nghìn đồng*), tương ứng mỗi con chung 700.000đ/tháng *(bảy trăm nghìn đồng).* Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi phát sinh một trong những căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật HNGĐ năm 2014.

Anh Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị N, anh T, ông Th, bà A đã tự thỏa thuận phân chia theo Văn bản thoả thuận ngày 30/7/2020 được Văn phòng công chứng Nguyễn Đình C công chứng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: chị N, anh T mỗi người trả cho chị Nguyễn Thị Trưng V 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), chị N đã nộp xong.

- Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, 75.000 đồng án phí dân sự đối với khoản nợ phải trả được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014098 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là thị xã Đ) nên được hoàn lại 75.000 đồng. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003308 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là thị xã Đ).

Anh Lê Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con định kỳ và 75.000 đồng án phí dân sự đối với khoản nợ phải trả.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Trưng V 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014181 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là thị xã Đ).

Hoàn lại cho ông Lê Th, bà Võ Thị A 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014192 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là thị xã Đ).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hằng